

Bản án số: **48/2017/HS-ST**
Ngày 27-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lu Thị Diệu
2. Ông Nguyễn Văn Gọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiếu-Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn-Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Hoàng Văn V (tên gọi khác: **T**), sinh năm 1977 tại H T; nơi cư trú tại tổ 5, ấp B C, xã P H, huyện P G, tỉnh B D; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; trình độ văn hóa 10/12; nghề nghiệp công nhân; con ông Hoàng Văn G và bà Nguyễn Thị Ng; có vợ là bà Ngô Thị L và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, có 01 tiền án (ngày 22/5/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã T U, tỉnh B D xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án theo Bản án số 55/2015/HSST); tiền sự không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2017 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Ngô Quốc Chiến**-Văn phòng Luật sư Quốc Tế thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người bị hại: Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1983

Nơi cư trú tại tổ 9, ấp 1, xã M T, huyện C T, tỉnh B P (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Ngô Thị Lu**, sinh năm 1977

Nơi cư trú tại tổ 5, ấp B C, xã P H, huyện P G, tỉnh B D (có mặt)

Người làm chứng:

1. Bà **Vũ Thị Uyên T**, sinh năm 1978

Nơi cư trú tại tổ 4, ấp 3, xã M T, huyện C Th, tỉnh B P (vắng mặt)

2. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1987

Nơi cư trú tại tổ 2, ấp 3, xã M T, huyện Ch Th, tỉnh B Ph (có mặt)

3. Bà **Tô Thị C**, sinh năm 1957

Nơi cư trú tại tổ 7, ấp 4, xã M T, huyện Ch Th, tỉnh B Ph (có mặt)

4. Bà **Nguyễn Thị Vân A**, sinh năm 1982

Nơi cư trú tại tổ 1, ấp 4, xã M T, huyện Ch Th, tỉnh B Ph (có mặt)

5. Bà **Lê Thị Ng**, sinh năm 1969

Nơi cư trú tại tổ 3, ấp 1, xã N B, huyện C Th, tỉnh B Ph (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hoàng Văn V nhận bà Đặng Thị M làm mẹ nuôi và thông qua bà M nên bị cáo quen biết với bà Hồ Thị L. Khoảng tháng 8/2015 (không rõ ngày), bị cáo V cùng vợ là bà Ngô Thị Lu và bà Mừng đến nhà bà L chơi. Quá trình ngồi nói chuyện thì bị cáo V có nói trước đây bị cáo có làm công nhân của Công ty cao su Phước Hòa ở huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thấy việc buôn bán mủ cao su lợi nhuận cao nên bị cáo rủ bà L cùng tham gia thu mua mủ cao su của các nhà vườn và các điểm thu mua mủ nhỏ lẻ sau đó bán lại cho Công ty cao su để kiếm lời. Sau khi nói chuyện, bị cáo V và bà L thống nhất thỏa thuận bà L là người đầu tư phương tiện và đưa tiền cho bị cáo đi thu mua mủ cao su còn bị cáo là người trực tiếp đi thu mua, bán mủ cao su sau khi trừ các chi phí thì lợi nhuận chia đôi. Trong quá trình thu mua mủ bị cáo V và bà L bán cho Công ty Cao su Phước Hòa ở huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và Công ty Cao su Phước Thành ở xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Công ty Phước Hòa trả tiền bằng hình thức chuyển khoản vào thẻ Ngân hàng cho bà L còn Công ty Phước Thành thanh toán tiền mặt trực tiếp cho bị cáo V).

Trong quá trình mua bán mủ cao su bị cáo V ghi chép số lượng, giá tiền vào một cuốn tập học sinh để đối chiếu với bà L. Đến ngày 06/9/2015, bị cáo V nói bà L đưa cho bị cáo 300 triệu đồng để bị cáo cho khách hàng ứng tiền bán mủ cao su thì bà L đồng ý. Sau khi bà L đưa cho bị cáo V số tiền 300 triệu đồng thì ông Bùi Xuân D gọi điện thoại đòi nợ bị cáo số tiền 50 triệu đồng mà bị cáo còn nợ ông Danh chưa trả. Lúc này, do không có tiền trả nợ cho ông D nên bị cáo V nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 50 triệu đồng của bà L để trả nợ cho ông D. Để thực hiện, bị cáo V lấy 50 triệu đồng trong tổng số 300 triệu đồng do bà L đưa trả cho ông Danh, số tiền còn lại bị cáo V đưa cho bà Lê Thị Nguyệt, bà Vũ Thị Uyên T, bà Nguyễn Thị Vân A và bà Tô Thị C mỗi người ứng 50 triệu đồng, bà Lê Thị L ứng 10 triệu đồng, còn lại 40 triệu đồng bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi bà L hỏi về số tiền ứng 300 triệu đồng trên thì bị cáo V nói dối với bà L đã đưa hết cho bà Ng, bà C, bà T mỗi người ứng 100 triệu đồng.

Đến ngày 09/9/2015, bị cáo V tiếp tục nói bà L đưa cho bị cáo 50 triệu đồng để bị cáo đưa cho bà Nguyễn Thị Vân A và bà Lê Thị L ứng tiền bán mủ cao su thì bà L đồng ý. Sau khi bà L đưa cho bị cáo V số tiền 50 triệu

đồng, do lúc này bị cáo đã sử dụng âm của bà L số tiền 90 triệu đồng nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiếp 50 triệu đồng của bà L để qua Campuchia đánh bạc. Sau khi qua Campuchia đánh bạc và thua hết số tiền 50 triệu đồng, bị cáo V về nói dối với bà L đã cho hai bà Nguyễn Thị Vân A, bà Lê Thị L ứng hết mỗi người 25 triệu đồng.

Trong tháng 10/2015 (không rõ ngày), bị cáo V nói với bà L là khách hàng muốn giữ tiền tạm ứng bán mủ cao su làm tiền gởi đầu nên bà L đưa cho bị cáo 03 lần với tổng số tiền là 185 triệu đồng. Sau các lần bà L đưa tiền, bị cáo V nảy sinh ý định chiếm đoạt nên bị cáo mang qua Campuchia đánh bạc và thua hết 150 triệu đồng, đưa cho ông Vani (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Campuchia nhờ làm thủ tục xin giấy phép đăng ký kinh doanh gỗ hết 10 triệu đồng, còn lại 25 triệu đồng bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân.

Đến ngày 23/11/2015, bị cáo V chở mủ cao su đến bán cho Công ty cao su Phước Thành và sau khi bán xong thì Công ty cao su Phước Thành thanh toán cho bị cáo tiền bán mủ cao su của các ngày 20, 21 và 22/11/2015 với tổng số tiền là 190.031.000 đồng. Lúc này bà L yêu cầu bị cáo V đối chiếu sổ sách thu chi, nhưng do bị cáo còn âm tiền của bà L nên bị cáo không dám đối chiếu nên bị cáo nói dối với bà L là bị cáo đã cho khách hàng ứng hết số tiền 190.031.000 đồng mà Công ty cao su Phước Thành đã thanh toán cho bị cáo. Tuy nhiên, thực tế bị cáo không cho khách hàng ứng mà cất giữ số tiền này trong cốp xe của bị cáo. Đến sáng ngày 24/11/2015, bị cáo V nói bà L đưa thêm cho bị cáo 100 triệu đồng để cho khách hàng ứng thì bà L đồng ý. Sau khi bà L đưa tiền, bị cáo V bỏ vào cốp xe cất giữ chung với số tiền 190.031.000 đồng. Đến chiều ngày 24/11/2015, bị cáo V chở mủ cao su đến bán cho Công ty cao su Phước Thành và Công ty cao su Phước Thành thanh toán tiền bán mủ cao su vào ngày 23/11/2015 cho bị cáo với số tiền 92.470.560 đồng. Tại thời điểm này tổng số tiền bị cáo V cất giữ của bà L 382.501.560 đồng. Lúc này, bị cáo V nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này để qua Campuchia đánh bạc nên bị cáo đi cùng một đối tượng tên “Tý” và một số người (không rõ nhân thân, lai lịch) qua Campuchia đánh bạc thua hết số tiền này. Khoảng hai ngày sau, bị cáo V về gặp bà L và viết giấy ghi nhận nợ với bà L số tiền là 710 triệu đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà L 50 triệu đồng. Tuy nhiên, bị cáo V đổi số điện thoại và đi về tỉnh Đồng Nai làm thuê, sinh sống và không L lạc với bà L. Do không thấy bị cáo V trả tiền như đã hứa nên bà L điện thoại cho bị cáo nhưng không L lạc được, bà L đến nhà bị cáo tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tìm kiếm nhiều lần nhưng không gặp. Đến ngày 05/4/2016, bà L làm đơn tố cáo bị cáo V đến Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 9/2015 đến tháng 11/2015, bị cáo Hoàng Văn V đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của bà L với tổng số tiền là 707.501.560 đồng. Trong quá trình điều tra có thu giữ tài liệu là 02 cuốn sổ gồm 01 cuốn sổ bìa màu đen và 01 cuốn vở học sinh ghi nhiều chữ số và con số.

Tại Cáo trạng số 32/CTr-VKS-P1 ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Hoàng Văn V về “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa, người bị hại bà Hồ Thị L yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Văn V. Bà L thừa nhận đã nhận được số tiền 20 triệu đồng từ vợ của bị cáo là bà Ngô Thị Lu nên bà L chỉ yêu cầu bị cáo trả lại đầy đủ số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 687.501.560 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng và đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH14 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn V một mức án hình phạt tù có thời hạn từ 08 đến 09 năm tù. Áp dụng khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án Hình sự số 55/2015/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương buộc bị cáo Hoàng Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn V thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và đề nghị xử phạt bị cáo một mức án hình phạt tù có thời hạn thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo Hoàng Văn V nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi của bị cáo, xin lỗi người bị hại bà Hồ Thị L và rất mong được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình, lao động và khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Bị cáo Hoàng Văn V đã hoàn toàn thừa nhận việc phạm tội và hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Bị cáo Hoàng Văn V và người bị hại bà Hồ Thị L cùng kinh doanh, mua bán mủ cao su chung với nhau, theo thỏa thuận là bà L là người đầu tư phương tiện và tiền để bị cáo đi thu mua mủ cao su. Sau khi mua bán mủ cao su xong, bị cáo đối chiếu sổ sách và đưa tiền cho bà L. Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2015, nhiều lần bà L đưa tiền cho bị cáo để bị cáo cho khách hàng ứng bán mủ cao su và nhiều lần bị cáo nhận được tiền

thanh toán từ khách hàng mua mũ cao su với tổng số tiền là 707.501.560 đồng. Sau khi nhận được các khoản tiền trên, bị cáo V đều nảy sinh ý định chiếm đoạt và đã chiếm đoạt được của bà L tổng cộng các lần là 707.501.560 đồng để sử dụng vào việc trả nợ, chi tiêu cá nhân và vào mục đích bất hợp pháp đánh bạc dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho bà L và bỏ trốn. Lời nhận tội của bị cáo Hoàng Văn V hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại bà Hồ Thị L, những người làm chứng người, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có đầy đủ cơ sở để xác định bị cáo phạm vào “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật hình sự; do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo Hoàng Văn V thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức rõ và làm chủ được hành vi, có lỗi cố ý, mục đích để có tiền đánh bạc, trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Xét bị cáo Hoàng Văn V đang chấp hành 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày 22-5-2015 của Bản án hình sự số 55/2015/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhưng từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2015 bị cáo lại tiếp tục phạm tội nhiều lần, tái phạm thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù và tổng với hình phạt của tội mới theo quy định tại khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, tội phạm đã hoàn thành, qua hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Văn V thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật nên cần phải xử phạt bị cáo một loại và mức hình phạt tù có thời hạn nghiêm minh, tương xứng và phù hợp với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo Hoàng Văn V có cha ruột ông Hoàng Văn G là người có công với nước đã được trao tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có bà nội Nguyễn Thị M là bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, có 02 chú ruột ông Hoàng Văn T và Hoàng Văn C đều là liệt sĩ, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực tác động vợ của bị cáo là bà Ngô Thị Lu trả lại, khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại bà Hồ Thị L với số tiền 20 triệu đồng và đặc biệt được người bị hại bà L yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Hoàng Văn V có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn dưới

mức thấp nhất của khung hình phạt ở khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, theo điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên*” có khung hình phạt từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội này quy định: “*Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.*”. Như vậy, khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội này quy định có khung hình phạt nhẹ hơn điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên cần phải căn cứ Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH14 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo Hoàng Văn V.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Hồ Thị L đã nhận được số tiền 20 triệu đồng trả lại, khắc phục hậu quả cho bị cáo Hoàng Văn V từ vợ của bị cáo là bà Ngô Thị Lu nên bà L chỉ yêu cầu bị cáo Hoàng Văn V trả lại số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 687.501.560 đồng. Yêu cầu này được bị cáo Hoàng Văn V đồng ý chấp thuận trả lại đầy đủ số tiền 687.501.560 đồng cho bà Hồ Thị L. Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa về đề nghị áp dụng pháp luật là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận; còn đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn V từ 08 đến 09 năm tù là không tương xứng nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn V đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn V một mức án thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Hoàng Văn V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn V phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[2] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự

được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH14 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 07 (bảy) năm tù. Áp dụng khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án Hình sự số 55/2015/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Hoàng Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù kể từ ngày 04/3/2017 được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 13/02/2015 đến ngày 22/5/2015.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Hoàng Văn V phải có trách nhiệm trả lại đầy đủ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt còn lại là 687.501.560 (*sáu trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm linh một nghìn, năm trăm sáu mươi*) đồng cho bà Hồ Thị L.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Hoàng Văn V phải chịu 200.000đồng. Án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Hoàng Văn V phải chịu 31.500.062 đồng.

[5] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà án ND cấp cao tại TP.HCM
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Văn Nhân (đã ký).